QUY CHẾ QUẢN LÝ RỪNG CĐ TỈNH TTH – NHỮNG ĐIỂM CHÍNH

VÌ SAO PHẢI BAN HÀNH QUY CHẾ NÀY?

- 1.Tình hình giao rừng cho CĐ:Tỉnh TTH đã giao 29.228,7 ha rừng TN cho CĐDC; bao gồm: 16.023,7 ha rừng cho 88 CĐDC thôn và 13.205 ha rừng cho 225 nhóm hộ quản lý. Địa bàn giao rừng chủ yếu ở 2 huyện A Lưới và Nam Đông; đối tượng chính giao rừng là đồng bào DTTS.

VÌ SAO PHẢI BAN HÀNH QUY CHẾ NÀY?

- 2.Những câu hỏi từ phía CĐDC
- Ngoại trừ gần đây, được Quỹ BVPTR hỗ trợ kinh phí chi trả DVMTR; còn lại, CĐ gần như "tay không bắt giặc". Làm thế nào để giúp CĐ bảo vệ tốt hơn rừng?
- Ai cho phép và bằng cách nào CĐ có thể xử lý thủ tục ban đầu khi gặp đối tượng phá rừng của mình?

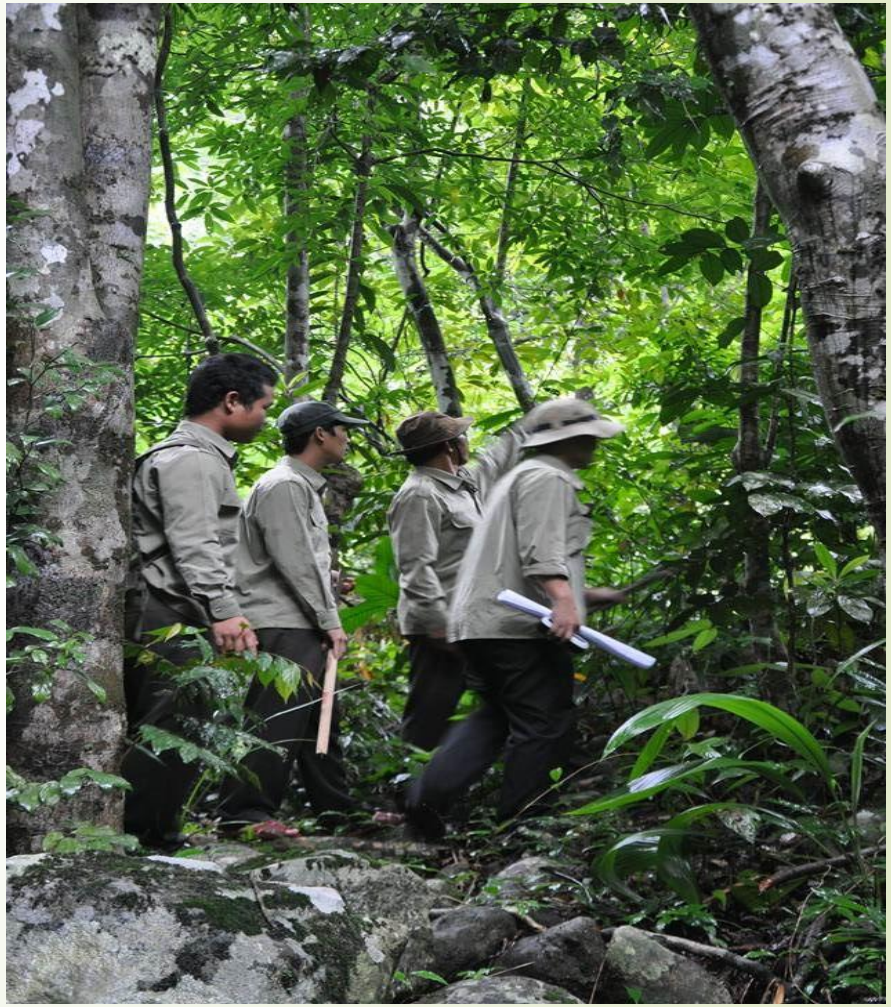

2.Những câu hỏi từ phía CĐDC

- Cách nào để các CĐDC có thể phối hợp vớ nhau và với các chủ rừng nhà nước trên cùng địa bàn để BVR?
- Làm thế nào để người dân trong CĐ tham gia kế hoạch chi và giám sát được các nguồn thu, chi của BQLRCĐ?
- Cơ chế hưởng lợi cụ thể như thế nào để người BVR cũng như cả CĐ yên tâm giữ rừng?

3.Những câu hỏi từ "nhà chức trách"

- Diện tích rừng bị mất do bất kỳ nguyên nhân gì thì sau đó để lại đất trống. Vậy làm thế nào để CĐ phải gây trồng lại cây bản địa?
- Làm thế nào để BQLRCĐ sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí để phục vụ ưu tiên cho việc BVR?

VÌ SAO PHẢI BAN HÀNH QUY CHẾ NÀY?

- 3.Những câu hỏi từ " các nhà chức trách"
- Chi tiền DVMTR cho CĐ; nếu họ mất rừng thì chỉ trừ diện tích rừng đã mất, diện tích còn lại họ vẫn được hưởng Vậy làm sao tạo được sức ép để họ thật sự lo ngại khi để mất rừng?

VÌ SAO PHẢI BAN HÀNH QUY CHẾ NÀY?

- 4.Câu hỏi chung của cả CĐDC và " các nhà chức trách"
- Làm thế nào và cơ chế nào để có thể tăng cường năng lực và trách nhiệm cho các CĐDC?
- Làm thế nào để chia sẻ thông tin về hiệu quả QLRCĐ để cùng nhau học tập?
- Trách nhiệm của các ngành và chính quyền địa phương trong quản lý và hỗ trợ cho CĐ BV&PTR?

TRẢ LỜI NHỮNG CÂU HỎI TRÊN

- UBND tỉnhTTH đã ban hành Quy chế QLRCĐ. Đây là quy chế QLRCĐ cấp tỉnh đầu tiên của Việt Nam; được ban hành trong bối cảnh không được sự khuyến khích từ MARD (CV số 5857/BNN –KH ngày 13/8/2019 trả lời một số kiến nghị của UBND tỉnh TTH) .
- Quy chế gồm 9 Chương, 24 Điều, 05 Phụ lục đính kèm.

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

- 1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát triển rừng CĐ được nhà nước giao cho các nhóm hộ gia đình và CĐDC quản lý và sử dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.
- 2. Đối tượng áp dụng: a) Các CĐDC thôn và nhóm hộ gia đình được nhà nước giao rừng để quản lý và sử dụng; b) UBND cấp huyện, UBND cấp xã nơi có rừng CĐ; c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng CĐ.
- 3. CĐ bao gồm CĐ dân cư thôn và nhóm hộ gia đình. Rừng CĐ là rừng tự nhiên do Nhà nước giao cho CĐ quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển.

12 NỘI DUNG CHÍNH CỦA QUY CHẾ

- 1. **Quy định về xây dựng và thực hiện Phương án QLRBV; lập Kế hoạch quản lý rừng CĐ** (Điều 3, 4, Chương II): nội dung này nhằm hướng dẫn, khuyến khích CĐ tự xây dựng và thực hiện Phương án QLRBV theo quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 /11/2018 của MARD quy định về quản lý rừng bền vững (thay cho KH BVPTR 5 năm). Bên cạnh đó, để thực hiện tốt PA QLRBV. Quy định về lập Kế hoạch quản lý, BR&PTR hằng năm để tổ chức thực hiện PA QLRBV nhằm thúc đẩy công tác QLBVR đạt hiệu quả cao.

12 NỘI DUNG CHÍNH CỦA QUY CHẾ

- **2. Quy định cụ thể về xây dựng Quy ước quản lý, BV&PTR CĐ** theo quy định tại QĐ số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước và Quy chế QLRCĐ của tỉnh.

12 NỘI DUNG CHÍNH CỦA QUY CHẾ

- **3. Về tổ chức quản lý rừng của CĐ** (Chương IV): Quy định rõ ràng, cụ thể không chỉ nhiệm vụ của BQL rừng CĐ, Ban giám sát rừng CĐ, **mà còn Tổ (Đội) BVR nòng cốt của CĐ**.

12 NỘI DUNG CHÍNH CỦA QUY CHẾ

- **4. Về quyền của Tổ (Đội) BVR trong tuần tra, BVR Tổ (Đội) tuần tra có quyền** (Chương V):
- a) Báo cáo trực tiếp cho UBND cấp xã hoặc cán bộ Kiểm lâm địa bàn về các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng để kịp thời phối hợp xử lý;
- b) Lập biên bản ghi nhận hành vi, sự việc vi phạm theo mẫu hướng dẫn đính kèm Quy chế này (Phụ lục 5);
- c) Ghi nhận hình ảnh, lưu giữ lời nói của đối tượng vi phạm;
- d) Thu giữ phương tiện, tang vật do đối tượng vi phạm để lại, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;
- đ) Thực hiện quyền phòng vệ chính đáng theo quy định của pháp luật.

12 NỘI DUNG CHÍNH CỦA QUY CHẾ

- **5. Về quyền lợi và nghĩa vụ của CĐ** (Chương VI):
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
- Phục hồi rừng bằng các loài cây bản địa từ nguồn kinh phí của CĐ nếu CĐ không chủ động phát hiện, để xảy ra phá rừng trái pháp luật

12 NỘI DUNG CHÍNH CỦA QUY CHẾ

- **6. Về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí từ đầu tư, hỗ trợ QLRCĐ** (Chương VII):
- BQL được đại diện cho CĐ mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng để thực hiện quản lý và sử dụng theo kế hoạch thu, chi đã được CĐ thông qua.
- Đối với CĐ có nguồn thu từ 50.000.000 đồng/năm trở lên, áp dụng định mức chi như sau để xây dựng và thông qua kế hoạch thu, chi:
- Chi cho công tác tuần tra BVR; tuyên truyền BVR; mua sắm phương tiện, dụng cụ, trang phục tuần tra, BVR tối đa 60% nguồn thu;
- Chi làm giàu rừng, phát triển rừng tối đa 10%;

12 NỘI DUNG CHÍNH CỦA QUY CHẾ

- Hỗ trợ BQL và các hoạt động giám sát tối đa 10%;
- Trích hỗ trợ cho vay, cho mượn tối đa 10%;
- Chi hoạt động chung của CĐ: hội họp, văn phòng phẩm tối đa 5%;
- Trích dự phòng hỗ trợ rủi ro, tai nạn khi tuần tra, BVR tối đa 5%.
- 4. Khuyến khích các CĐ tranh thủ sự đầu tư của các tổ chức, dự án để lập kế hoạch mua sắm và tập huấn sử dụng các thiết bị phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, như: máy vi tính, máy định vị và máy tính bảng, và các thiết bị khác.

12 NỘI DUNG CHÍNH CỦA QUY CHẾ

- 7. Về thu hồi và quản lý rừng CĐ (Chương VIII):
- CĐ sử dụng rừng không đúng mục đích, cố ý không thực hiện nghĩa vụ với nhà nước hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về LN.
- UBND cấp xã tổ chức quản lý rừng CĐ bị thu hồi để giao, cho thuê theo quy định của pháp luật.

12 NỘI DUNG CHÍNH CỦA QUY CHẾ

- **8.Về quan hệ phối hợp** (Chương IX)
- UBND cấp huyện:Phối hợp chặt chẽ với các Sở, ban ngành liên quan thực hiện các nhiệm vụ, nội dung, hoạt động quản lý rừng CĐ được nêu trong bản Quy chế.
- Kiểm lâm cấp huyện:chủ động phối hợp với các cơ quan, ban, ngành trên địa bàn huyện để hỗ trợ cho các CĐ thực thi quyền chủ rừng.
- UBND cấp xã: Hướng dẫn, phối hợp với CĐ xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về LN.
- Kiểm lâm địa bàn: Phối hợp với CĐ trong công tác tuần tra BVR.
- Chủ rừng nhà nước: Chủ động phối hợp và hỗ trợ các Tổ (Đội) BVR nòng cốt của CĐ nhằm bảo vệ tốt các diện tích rừng được giao và những diện tích rừng liền kề.

12 NỘI DUNG CHÍNH CỦA QUY CHẾ

- **9. Về cơ chế giám sát** (Chương V,VII,IX)
- Ban Giám sát: thực hiện giám sát độc lập các hoạt động liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng CĐ; công tác thu, chi kinh phí tài chính của CĐ; tham gia, phối hợp xác minh các vụ việc vi phạm Quy ước quản lý rừng và các hoạt động khác liên quan đến quản lý, bảo vệ và phát triển rừng CĐ.
- Tổ đội BVR:giám sát, phối hợp và giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên khi thực hiện tuần tra, BVR CĐ.
- Giữa các CĐ: Tổ chức giám sát chéo giữa các CĐ được giao rừng.

12 NỘI DUNG CHÍNH CỦA QUY CHẾ

- Kiểm lâm địa bàn:hỗ trợ và giám sát CĐ trong việc xây dựng và thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững; Tổ chức thực hiện Kế hoạch quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hằng năm.
- Quỹ BVPTR:giám sát việc quản lý và sử dụng các khoản tiền từ nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng.
- Sở NNPTNT phối hợp các sở, ngành liên quan:đôn đốc, triển khai, giám sát việc thực hiện nội dung bản Quy chế

12 NỘI DUNG CHÍNH CỦA QUY CHẾ

- **10. Về chế độ giao ban, báo cáo**
- UBND huyện:chủ trì giao ban 01 năm 01 lần. Thành phần tham dự và nội dung do UBND cấp huyện quyết định.
- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế cấp huyện, Hạt Kiểm lâm phối hợp chủ trì: tổ chức giao ban 06 tháng 01 lần; thành phần là Trưởng ban hoặc người đại diện của các BQL rừng CĐ, các tổ trưởng Tổ tuần tra, đại diện lãnh đạo UBND cấp xã theo dõi lĩnh vực quản lý rừng CĐ;
- KL địa bàn tham mưu UBND cấp xã chủ trì:Tổ chức họp giao ban tất cả các CĐ trên địa bàn 3 tháng 01 lần.

12 NỘI DUNG CHÍNH CỦA QUY CHẾ

- **11. Về xác định ranh giới, chủ quyền sử dụng rừng; ứng dụng công nghệ** (Chương VII)
- Khuyến khích mua sắm phương tiện, dụng cụ, trang phục cho Tổ (Đội) nòng cốt BVR; đóng cột mốc ranh giới hoặc trồng cây chỉ thị; xây dựng bản thông báo, cảnh báo khu vực rừng CĐ.
- Khuyến khích các CĐ tranh thủ sự đầu tư của các tổ chức, dự án để lập kế hoạch mua sắm và tập huấn sử dụng các thiết bị phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, như: máy vi tính, máy định vị và máy tính bảng, và các thiết bị khác.

12 NỘI DUNG CHÍNH CỦA QUY CHẾ

- **12. Về trách nhiệm tổ chức thực hiện** (Chương IX)
- Của 8 cơ quan cấp tỉnh: Các sở NNPTNT; TNMT; Du lịch, VHTT, KHĐT, Tài chính,KHCN, Quỹ BVPTR
- Của UBND cấp huyện:Lồng ghép, bố trí nguồn kinh phí từ Ngân sách huyện để hỗ trợ CĐ thực hiện các hoạt động theo nội dung Quy chế này gắn với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội địa phương.
- Của UBND cấp xã: Hướng dẫn CĐ xây dựng Quy ước quản lý rừng CĐ và chỉ đạo thực hiện.
- Của Hạt KL cấp huyện:Cập nhật, đối chiếu tình hình rừng của CĐ khi giao và thực tế biến động do các nguyên nhân để làm căn cứ điều chỉnh, cập nhật diễn biến tài nguyên rừng để quản lý; Hướng dẫn CĐ phục hồi lại rừng; Hướng dẫn, phối hợp với CĐ xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về LN.
- Của các chủ rừng nhà nước.

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

- Để thực hiện 12 nội dung cơ bản nêu trên, Quy chế còn ban hành phụ lục kèm theo các mẫu:
- Phương án QLRBV (theo quy định tại TT 28/2018/TT –BNNPTNT;
- Kế hoạch BVPTR hằng năm;
- Quy ước BV&PTR;
- Báo cáo công tác quản lý, BV&PTR;
- Nhật ký tuần tra rừng;
- Biên bản ghi nhận sự việc.

CÁC CÔNG VIỆC ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI

- 1.Tháng 11/2019, DARD đã phối hợp với các bên liên quan họp công bố và triển khai kế hoạch tổ chức thực hiện QCQLRCĐ trên toàn tỉnh.
- 2.Năm 2020:
- Sẽ hỗ trợ 3 CĐ xây dựng PA QLRBV và Quy ước BV&PTR ở 3 huyện A Lưới, Nam Đông và Phong Điền;
- Xây dựng mô hình sinh kế, sử dụng đất dưới tán rừng;
- Thành lập HTXLNBV gắn với hỗ trợ người dân trong cộng đồng phát triển rừng trồng gỗ lớn - FSC

Xin chân thành cảm ơn!